



TÓM TẮT TCDN - TÓM TẮT TCDN

Tài chính doanh nghiệp (Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TCDN

★ Phương pháp Khấu hao:

→ Khấu hao đều: đường thẳng (SLN)

$$\text{Mức khấu hao năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

= Nguyên giá TSCĐ bình quân x Tỷ lệ khấu hao bình quân năm

→ Khấu hao nhanh: (DDB)

- Số dư giảm dần có điều chỉnh
- Tỷ lệ khấu hao giảm dần

$$\text{Tỷ lệ KH nhanh} = \frac{1}{\text{Thời gian khấu hao}} * \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Mức khấu hao năm t = Giá trị còn lại * % khấu hao nhanh

Trong đó: Giá trị còn lại = Nguyên giá - Khấu hao lũy kế

→ Khấu hao theo sản lượng:

$$\text{Mức khấu hao phải tính trong năm} = \frac{\text{Sản lượng hoàn thành trong năm}}{\text{Sản lượng tính theo công suất thiết kế}} * \text{Mức khấu hao bình quân trên 1 đơn vị sản lượng}$$

Trong đó:

$$\text{Mức KH bình quân trích trong năm} = \frac{\sum \text{Số KH phân tích trong thời gian sử dụng}}{\text{Sản lượng tính theo công suất thiết kế}}$$

✓ **Vốn hoạt động:**

OC = NOWC + Tài sản cố định thuần.

Trong đó: Vốn lưu động hoạt động thuần (Net Operating Working Capital - NOWC) = Tài sản ngắn hạn dùng cho sản xuất kinh doanh - Nợ hoạt động ngắn hạn.

✓ **Giá trị thị trường gia tăng:**

MVA = Giá trị thị trường - Giá trị sổ sách của vốn CSH

Trong đó: Giá trị thị trường = Giá thị trường của 1 cổ phiếu x Số cổ phiếu đang lưu hành.

✓ **Giá trị kinh tế gia tăng :**

EVA = NOPAT - Tổng vốn*WACC

= EBIT*(1-t) - Tổng vốn*WACC

CHƯƠNG 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ DÒNG TIỀN

- báo cáo lưu chuyển tiền tệ:
 - + Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh - OCF
 - + Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư - ICF
 - + Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính (tài trợ) - FCF
 - Phương pháp trực tiếp: Tính dòng tiền thu, dòng tiền chi, tiền thuần = Dòng thu – dòng chi
 - Phương pháp gián tiếp: Điều chỉnh lãi ròng để tính tiền thuần từ hđkd.
Tiền thuần = Lãi ròng + Khấu hao – (+) Tăng (giảm) TSLĐ (không phải tiền)
+ (–) Tăng (giảm) nợ hoạt động
 - thuyết minh báo cáo tài chính
2. Quan điểm về dòng tiền:
- ❖ Dòng tiền tự do (FCF): Là dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh sau khi đáp ứng chi đầu tư TSCĐ
 - Dòng tiền tự do dành cho doanh nghiệp (FCFF) = Dòng tiền hoạt động ròng (NOCF) theo AEPV (hoặc TIPV) - Chi đầu tư ròng vào TSCĐ
 - NOCF Theo AEPV = $EAT + I \cdot (1-t) + CP \text{ khấu hao} - \Delta \text{Vốn lưu động}$.
 - NOCF Theo TIPV = $EAT + I + CP \text{ khấu hao} - \Delta \text{Vốn lưu động}$.
 - Dòng tiền tự do dành cho chủ sở hữu (FCFE) = $FCFF - I \cdot (1-t) + \Delta \text{Nợ vay}$

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Phân tích các chỉ số tài chính

❖ Kết quả kinh doanh

- Lợi nhuận trước thuế khấu hao và lãi vay EBITDA = Doanh thu - CP hoạt động (không tính khấu hao) = EBIT + CP khấu hao
- Lợi nhuận trước thuế và lãi vay EBIT = Lợi nhuận trước thuế (EBT) + Chi phí lãi vay (I)
- Lợi nhuận trước thuế sau lãi vay EBT = EBIT - I = EAT/(1-t)
- Lợi nhuận sau thuế và lãi vay EAT = EBT*(1-t) = (EBIT - I)*(1-t)
- Lợi nhuận hoạt động ròng NOI (NOPAT) = EBIT*(1-t) = EAT + I*(1-t)

❖ Cấu trúc tài chính

- Vốn lưu động = TSNH - Các khoản phải trả ngắn hạn (Bao gồm phải trả người bán + phải trả khác)
- Vốn lưu động ròng = Nguồn vốn dài hạn - Tài sản dài hạn
= Nợ dài hạn + vốn chủ sở hữu - tài sản dài hạn
- Tỷ số nợ = Nợ / tổng vốn
- Tỷ số vốn chủ sở hữu (tỷ số tự tài trợ) = VCSH / tổng vốn
- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu = Nợ / VCSH
- Hệ số đòn bẩy tài chính = Tổng vốn / VCSH

❖ Khả năng sinh lời của vốn

- Suất sinh lời trên tổng vốn đầu tư ROI (BEP) = $\frac{EBIT}{\text{Tổng vốn bình quân}}$
- Suất sinh lời trên tổng tài sản ROA = $\frac{NOI}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$
- Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE = $\frac{EAT}{\text{VCSH bình quân}} = \text{ROA} + (\text{ROA} - \text{Rd}) * \text{D/E}$
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ROS = $\frac{EAT}{\text{Doanh thu}}$
- Suất sinh lời trên vốn cổ phần thường

$$\text{ROCE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - cổ tức trả dài}}{\text{Vốn cổ phần thường bình quân}}$$

- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu EPS = $\frac{EAT - \text{Cổ tức của cổ phần ưu đãi trong kỳ}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$
- ❖ Khả năng thanh toán lãi vay TIE = $\frac{EBIT}{I}$
- ❖ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn
- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh
- = $\frac{\text{Tiền + đầu tư tài chính ngắn hạn + các khoản phải thu ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
- Thời gian tồn kho = $\frac{\text{Tồn kho bình quân}}{\text{Giá vốn hàng bán bình quân một ngày}}$
- => Vòng quay tồn kho = $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Tồn kho bình quân}}$
- Thời gian thu tiền = $\frac{\text{phải thu khách hàng bình quân}}{\text{Doanh thu bán hàng có thuế bình quân một ngày}}$
- => Vòng quay khoản phải thu = $\frac{\text{Doanh thu bán hàng có thuế}}{\text{phải thu khách hàng bình quân}}$
- ❖ Hiệu suất hoạt động/hiệu suất sử dụng tài sản
- Vòng quay tài sản cố định = $\frac{\text{Doanh thu}}{\text{TSCĐ bình quân}}$
- ❖ Chỉ tiêu đo lường hiệu quả/thành quả tài chính
- P/E = $\frac{\text{Giá thị trường mỗi cổ phiếu}}{EPS}$
- P/B hay M/B = $\frac{\text{Giá thị trường mỗi cổ phiếu}}{\text{Giá sổ sách mỗi cổ phiếu}}$
- Giá trị gia tăng thị trường MVA = Giá trị thị trường vcsh - giá trị sổ sách của vcsh.
- Giá trị gia tăng kinh tế EVA = Lợi nhuận hoạt động ròng (NOI) - Chi phí vốn (tính theo tiền tệ)
- ❖ Chi phí vốn bình quân có trọng số:
- $$WACC = \frac{R \cdot D}{D + E} + \frac{rD \cdot (1 - t) \cdot E}{D + EE}$$
- ❖ Chỉ số Tobin's Q = $\frac{\text{Tổng giá trị thị trường doanh nghiệp}}{\text{Tổng giá trị sổ sách doanh nghiệp}}$
- = $\frac{\text{Giá trị thị trường của VCSH} + \text{Giá trị thị trường của nợ}}{\text{Tổng giá trị tài sản theo sổ sách}}$

CHƯƠNG 4: GIÁ TRỊ THEO THỜI GIAN CỦA TIỀN

Giá trị tương lai của một số tiền hiện tại có lãi suất phát biểu r ; m là số kỳ tính lãi trong thời gian phát biểu lãi suất : $FV_n = PV_0 \cdot (1 + r/m)^n$

- Lãi suất phát biểu là lãi suất niêm yết (APR)
- Lãi suất hiệu dụng là lãi suất thực tế đã điều chỉnh theo số kỳ tính lãi

$$r_{\text{eff}} = \left(1 + \frac{r}{m}\right)^n - 1$$

- Lãi suất tương đương EAR: k_1 và k_2 tương đương $\leq (1 + k_1)^{m_1} = (1 + k_2)^{m_2}$
- Lãi tỉ lệ : k_1 và k_2 được gọi là hai lãi suất tỷ lệ khi $\frac{k_1}{k_2} = \frac{n_1}{n_2}$
- Lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực:

$$\text{Lãi suất thực} = \frac{1 + \text{Lãi suất danh nghĩa}}{1 + \text{Tỷ lệ lạm phát}} - 1 = \text{Lãi suất danh nghĩa} -$$

Tỷ lệ lạm phát

- + Lãi suất thực > 0 : Người cho vay được lợi
 - + Lãi suất thực < 0 : Người đi vay được lợi
 - Lãi tích hợp liên tục: $FV = PV \cdot e^{r \cdot t}$
- GIÁ TRỊ CỦA TIỀN THEO THỜI GIAN:

- Giá trị tương lai của một số tiền: $FV_n = PV_0 \cdot (1 + i)^n$
- Giá trị hiện tại của một số tiền: $PV_0 = \frac{FV_n}{(1 + i)^n}$
- Giá trị tương lai của dòng tiền đều thường :

$$\text{Dòng tiền đều cuối kỳ: } FVA_n = \frac{A \cdot (1 + i)^n - A}{i}$$

$$\text{Dòng tiền đều đầu kỳ: } FVA_n = \frac{A \cdot (1 + i)^n - A}{i} \cdot (1 + i)$$

Excel: Ham FV(rate: i ; nper: n ; pmt: $-A$; thêm ,1 nếu tính dòng tiền đầu kỳ)

- Giá trị hiện tại của dòng tiền đều thường :

$$\text{Dòng tiền đều cuối kỳ: } PVA_0 = \frac{A \cdot 1 - \frac{1}{(1 + i)^n}}{i} = \frac{A \cdot (1 + i)^n - 1}{i \cdot (1 + i)^n}$$

$$\text{Dòng tiền đều đầu kỳ: } PVA_0 = \frac{A \cdot 1 - \frac{1}{(1 + i)^n}}{i} \cdot (1 + i) = \frac{A \cdot (1 + i)^n - 1}{i \cdot (1 + i)^n} \cdot (1 + i)$$

Tài liệu và Bí kíp học tập UEL

- Giá trị hiện tại của dòng tiền đều mãi mãi : $PVA_{\infty} = \frac{A}{i}$
excel dùng hàm PV (rate: i; nper: n; pmt: -A)
- Giá trị tương lai của dòng tiền hỗn tạp: dùng hàm NPV trong excel
- Tính lãi suất dòng tiền hỗn tạp (không đều): dùng hàm IRR trong excel



Tài liệu và Bí kíp học tập UEL

Suất sinh lời kỳ vọng = SSL phi rủi ro (R_f + Mức đền bù rủi ro

Rủi ro càng cao => mức đền bù rủi ro càng cao

- Đo lường rủi ro của danh mục đầu tư:

+ phương sai: $Var = \sum_{j=1}^n \sum_{i=1}^n w_j * w_i * Cov_{j,i}$

$$= w_A^2 * SD_A^2 + 2 * w_A * w_B * Cov_{A,B} + w_B^2 * SD_B^2$$

+ độ lệch chuẩn: $SD = \sqrt{Var}$

+ đồng phương sai: $Cov_{j,i} = \frac{\sum_{t=1}^m [R_j - E(R_j)] * [R_i - E(E_i)]}{m-1}$

+ hệ số tương quan: $Corr_{j,i} = \frac{Cov_{j,i}}{SD_j * SD_{II}}$

- Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM): Có thể định giá cho bất kỳ tài sản nào miễn là tính được β của sản phẩm đó

+ Lãi suất chiết khấu khi định giá tài sản (định giá cổ phiếu): $R_A = R_f + (R_M - R_f) * \beta_A$

+ Thước đo rủi ro: $\beta_A = \frac{Cov(R_A, R_M)}{Var(R_M)} = \sum_{i=1}^n w_i * \beta_i$, Tài sản phi rủi ro: $\beta = 0$; Danh mục đầu tư thị trường: $\beta = 1$

- Đường đặc thù chứng khoán (SCL): là đường thẳng phản ánh mối quan hệ giữa suất sinh lời của chứng khoán cụ thể là với suất sinh lời của danh mục đầu tư thị trường, độ dốc của SCL là hệ số β của chứng khoán.

- Khi $\beta = 1$ thì Phần bù rủi ro thị trường = $R_M - R_f$

CHƯƠNG 5: LỢI NHUẬN VÀ RỦI RO

Danh mục đầu tư là tổ hợp gồm nhiều khoản đầu tư với tỷ trọng khác nhau

Tỷ suất lợi nhuận = $\frac{\text{Mức lợi nhuận trong 1 khoản thời gian}}{\text{Vốn đầu tư ban đầu}}$, là thước đo kết quả đầu tư.

Phương pháp tính:

- Trung bình cộng: Rời rạc, dự báo kỳ vọng
- Trung bình nhân: Liên tục, lãi suất thay đổi, đại diện cho 1 thời kỳ có nhiều giai đoạn (mỗi giai đoạn có TSSL khác nhau. $\Rightarrow i = \sqrt[n]{\frac{FV_n}{PV_0}} - 1$
- Nguyên lý đầu tư: High risk - High return
- SSL kỳ vọng $E(R)$: là bình quân gia quyền của các trường hợp khác nhau về các khả năng sinh lời có thể xảy ra). Thông thường, xác suất (P_i) xảy ra được chọn là trọng số

$$E(R) = \sum_{i=1}^n (R_i * P_i)$$

- Nếu nghiên cứu 1 thời gian gồm nhiều thời kỳ liên tiếp nhau:

$$E(R) = R = \frac{R_1 + R_2 + R_3 + \dots + R_n}{n}$$

$$Var = \frac{1}{n-1} * \sum_{i=1}^n [R_i - E(R)]^2$$

$$SD = \sqrt{Var}$$

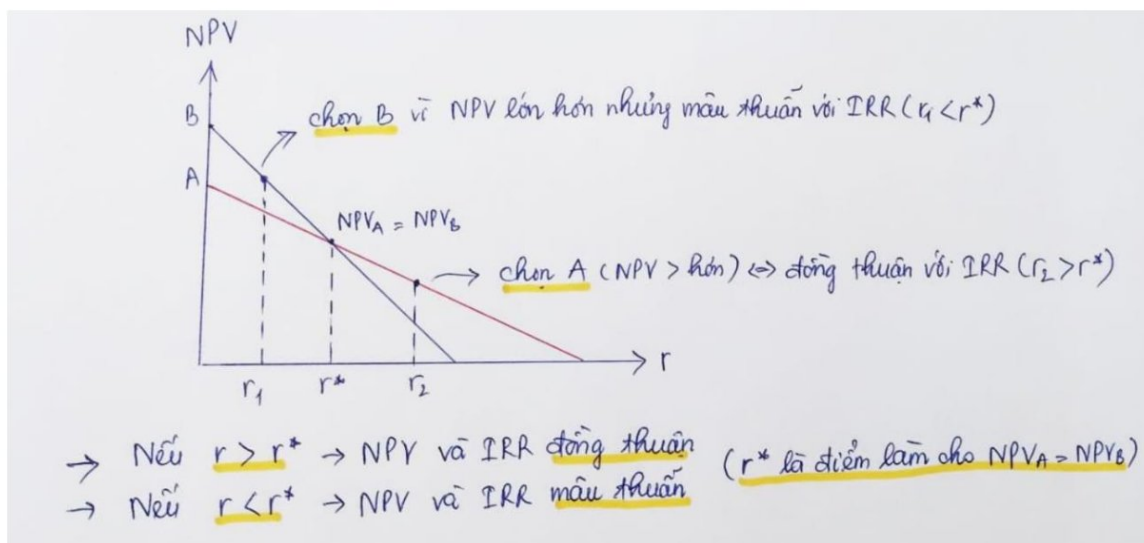
Hệ số biến thiên: $CV = \frac{SD}{E(R)}$ càng lớn \Rightarrow Rủi ro đầu tư càng cao

CHƯƠNG 6: HOẠCH ĐỊNH VỐN ĐẦU TƯ

*Các chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư:

- Giá trị hiện tại ròng: $NPV@ r\% = \sum_{t=0}^n \frac{NCF_t}{(1+r)^t} = \frac{NCF \cdot (1+r)^t - 1}{r \cdot (1+r)^t}$
 - + $NPV \geq 0$: Chấp nhận DĐT
 - + $NPV < 0$: Từ chối DĐT
- Suất sinh lời nội tại: IRR là suất chiết khấu để $NPV = 0$; Dự án được chấp nhận khi IRR lớn hơn hoặc bằng suất sinh lời đòi hỏi (r).
- Suất sinh lời nội tại có điều chỉnh (xét đến cơ hội tái đầu tư): $MIRR = \sqrt[n]{\frac{FV(CIF)}{PV(COF)}} - 1$; Dự án được chấp nhận khi MIRR lớn hơn hoặc bằng suất sinh lời đòi hỏi (r).
- Thời gian hoàn vốn: PBP của dự án \leq PBP theo yêu cầu thì dự án được chấp nhận.
 - + PBP không có chiết khấu: $PBP = n + \frac{|\sum_{t=0}^n NCF_t|}{NCF_{n+1}}$
 - + PBP có chiết khấu: $PBP = n + \frac{|\sum_{t=0}^n PV(NCF_t)|}{PV(NCF_{n+1})}$
- Chỉ số lợi nhuận (PI) suất sinh lời theo sổ sách (AAR):
 - + $PI = \frac{NPV}{NCF_0} + 1$
 - + $ARR = \frac{\text{Lợi nhuận hoạt động ròng trước lãi vay và thuế}}{\text{Giá trị còn lại bình quân của tài sản cố định}}$

*Xung đột giữa NPV & IRR:



- Dòng tiền hoạt động ròng (NOCF) = Thu từ HĐ - Chi cho HĐ
 - + NOCF Theo AEPV = $EAT + I^*(1-t) + CP$ khấu hao - Δ Vốn lưu động.
 - + NOCF Theo TIPV = $EAT + I + CP$ khấu hao - Δ Vốn lưu động.
- Dòng tiền đầu tư (NICF) = Tiền thu được từ bán TSCĐ - Tiền chi mua TSCĐ
- Dòng tiền tài trợ (NFCF) = Thu do đi vay - Chi trả nợ gốc vay + Thu do CSH góp - Tiền chi trả lại vốn góp, chia lãi cho CSH.